

ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ CHẾ TÀI PHÁP LÝ NHÌN TỪ MỘT VỤ TRANH CHẤP VỀ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

Trần Văn Nam

Khoa Luật - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: namtv@neu.edu.vn

Ngày nhận: 24/9/2018

Ngày nhận bản sửa: 20/10/2018

Ngày duyệt đăng: 05/11/2018

Tóm tắt:

Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định tại Điều 428 về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng (Quốc hội, 2015a). Theo đó, nếu một bên trong quan hệ hợp đồng đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có căn cứ pháp luật sẽ bị coi là vi phạm và phải gánh chịu chế tài pháp lý. Bài viết này làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dân sự; nhận dạng các hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng không có căn cứ pháp luật, và đề cập đến trường hợp “tự mình kinh doanh” chưa có tiền lệ trong thực tế để kết luận hành vi vi phạm này dẫn đến chế tài xác đáng dành cho bên vi phạm, khôi phục lại các lợi ích hợp pháp của bên bị đơn phương chấm dứt hợp đồng, nhìn từ một tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hàng hóa có giá trị lớn giữa hai thương nhân Việt Nam.

Từ khóa: Luật dân sự, hợp đồng vận chuyển, tự mình kinh doanh, đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Mã JEL: K20

Unilateral Termination of a Contract and Legal Remedies: A Case Study of the Contract for the Carriage of Goods

Abstract:

The 2015 Civil Code does stipulate the unilateral termination of contract implementation. According to the Article 428, if a party in a contractual relationship unilaterally terminates the contract without a legal basis, it will be substantially considered a violation and must be subjected to legal remedies. This study clarifies the basic theoretical issues of unilateral termination of contract performance, identifies the illegal unilateral acts of contract termination, and refers to the case of “self-doing business” which has no practical precedent to conclude that this violation would definitely lead to the imposition of a legal sanction. It is also for the offending party to recover the legitimate interests of the innocent party in a large value contract of goods carriage between two Vietnamese traders.

Keywords: Civil Code, Contract of carriage of goods, Self-doing business, Unilateral termination of a contract.

JEL code: K20

1. Nhận dạng các hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng

1.1. Đơn phương chấm dứt hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật

Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Trong quan hệ hợp đồng, nguyên tắc bình đẳng thỏa thuận là nguyên tắc cơ bản, sự tự do ý chí luôn được đề cao. Khi giao kết hợp đồng, các bên đều có nguyện vọng thực hiện xong hợp đồng. Hợp đồng chấm dứt khi các bên đã thực hiện xong công việc, xong nghĩa vụ hợp đồng trong thời hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng, khi các bên đều đã đạt được mong muốn, mục đích của mình, các nghĩa vụ đã được thực hiện toàn bộ, các quyền tương ứng đã được đáp ứng. Hợp đồng được kết thúc khi các bên đều đáp ứng được mục đích của nhau. Hợp đồng cũng có thể chấm dứt theo thỏa thuận của các bên khi nghĩa vụ trong hợp đồng chưa hoàn thành hay thời hạn của hợp đồng chưa kết thúc. (Đoàn Việt Dũng, 2011, 1).

Bộ luật Dân sự năm 2015 của Quốc hội (2015a) quy định về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng như sau:

Điều 428: Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng

Khoản 1: Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Khoản 4: Bên bị thiệt hại do hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng của bên kia được bồi thường.

Khoản 5: Trường hợp việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng không có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này thì bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng được xác định là bên vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự theo quy định của bộ luật này, luật khác có liên quan do không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng.

Ví dụ, trong hợp đồng phân phối sản phẩm có điều khoản “Nhà phân phối có quyền chấm dứt hợp đồng bất cứ lúc nào với điều kiện phải thông báo trước 30 ngày” tức là hai bên đã thỏa thuận với nhau về một phương thức chấm dứt hợp đồng. Khi một bên thông báo chấm dứt hợp đồng với bên kia thì sau 30 ngày kể từ khi bên kia nhận được thông báo của

bên thì hợp đồng đã chấm dứt, giữa hai bên không có ràng buộc pháp lý với nhau.

1.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng trái với quy định của pháp luật

Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa hai hay nhiều bên nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên. Như vậy, muốn có một hợp đồng người ta phải xem xét ba điều kiện: (i) có tồn tại một sự thỏa thuận, (ii) giữa các bên là những chủ thể nào?, (iii) nhằm xác lập, thay đổi hay chấm dứt những quyền và nghĩa vụ cụ thể nào (DANIDA & VIAC, 2014, 2).

Thỏa thuận được hiểu là sự thống nhất của các bên về việc thực hiện hay không thực hiện một việc cụ thể. Muốn thống nhất, các bên phải có cơ hội bày tỏ ý chí; các ý chí ấy phải trùng khớp, thống nhất về một số nội dung nhất định, đó là nội dung của hợp đồng.

Nghĩa vụ theo hợp đồng được hiểu là một hoặc nhiều bên (bên có nghĩa vụ) phải thực hiện một hoặc một số hành vi như chuyển giao đồ đạc, hàng hóa, vật dụng và các vật khác, chuyển giao quyền, trả tiền, cung cấp các giấy tờ có giá, làm hoặc không làm một công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều bên khác (bên có quyền).

Hợp đồng được xác lập nếu các bên thống nhất ý chí về việc thực hiện hay không thực hiện một nghĩa vụ nhất định. Để xem các bên đã thống nhất ý chí hay chưa, người ta phải xem các bên đã bày tỏ ý chí của mình ra sao, đã đàm phán và thống nhất về các nội dung đó như thế nào. Thông thường, trong quá trình thiết lập hợp đồng phải có một bên đưa ra đề nghị và một hoặc nhiều bên khác chấp nhận lời đề nghị đó. Hợp đồng được giao kết bằng việc chấp nhận một đề nghị hoặc bằng thái độ thể hiện đầy đủ sự thống nhất ý chí của các bên.

Tuy nhiên, có những quan hệ hợp đồng bị kết thúc do ý chí của một bên mà thiếu sự thống nhất ý chí của bên kia. Trong quá trình các bên đã giao kết thực hiện hợp đồng không phải lúc nào cũng dễ dàng, suôn sẻ. Khi xảy ra việc một bên trong hợp đồng muốn chấm dứt hợp đồng ngay để bảo vệ quyền lợi cho mình khi họ có quyền thì dù bên kia vẫn muốn duy trì thực hiện hợp đồng cũng không tiếp tục hợp đồng được, đó là đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng. Do đó, đơn phương chấm dứt hợp đồng trái với quy định của pháp luật, trước hết là bên đơn phương tự mình chấm dứt, trái ngược với ý chí của bên kia.

Phản tiếp theo của bài viết phân tích một tình huống điển hình về việc bên giao kết hợp đồng đơn phương tự mình chấm dứt hợp đồng mà không thuộc các trường hợp được quyền chấm dứt theo quy định của pháp luật (Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, 2018).

2. Tình huống đơn phương chấm dứt hợp đồng vận chuyển hàng hóa trái với quy định của pháp luật và chế tài pháp lý dành cho bên vi phạm

2.1. Tóm tắt tình huống

Ngày 27 tháng 3 năm 2015, hai bên ký Hợp đồng dịch vụ vận tải số TH_VT/01_2015 (Hợp đồng 01), và ngày 15 tháng 7 năm 2016 ký Hợp đồng dịch vụ vận tải số TH_VT/02_2016 (Hợp đồng 02). Theo hai hợp đồng này, bên vận chuyển (Bên A) thực hiện dịch vụ chuyên chở hàng hóa cho bên thuê vận chuyển (Bên B) tại các tuyến và các địa điểm do hai bên đã thỏa thuận.

Ngày 01 tháng 10 năm 2016, hai bên ký Phụ lục số 09 của Hợp đồng 01, sửa đổi Điều 3 “Thời hạn hợp đồng”, theo đó thỏa thuận: “Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2015 và kéo dài tới ngày 30 tháng 9 năm 2017 và sẽ tự động gia hạn thêm sáu (06) tháng nếu Bên B không gửi thông báo chấm dứt hợp đồng trước thời điểm kết thúc hợp đồng mười (10) ngày làm việc”.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017, Bên B gửi Bên A Thông báo số 1702, thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng 02 với Bên A từ ngày 12 tháng 10 năm 2017. Bên B sau đó đã rút lại công văn thông báo chấm dứt Hợp đồng tại văn thư đã gửi ngày 29 tháng 12 năm 2017. Bên A cho rằng Bên B vi phạm hợp đồng vì đã đơn phương chấm dứt hợp đồng và đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Hai bên đã tiến hành thương lượng năm lần giải quyết công nợ nhưng không thành.

Bên A khởi kiện Bị đơn, yêu cầu Bên B bồi thường các khoản sau đây:

- Lãi do Bên B đã nợ gốc phí vận chuyển.
- Lãi trả chậm của phí vận tải.
- Bồi thường thiệt hại và lợi ích lẽ ra được nhận do Bên B dừng hợp đồng trước thời hạn.

2.2. Quá trình đơn phương chấm dứt Hợp đồng 02

Hợp đồng 02 ký ngày 15 tháng 7 năm 2016, thời hạn đến ngày 15 tháng 7 năm 2017, được tự động gia hạn một (01) năm đến ngày 15 tháng 7 năm 2018.

Tại Điều 12: Chấm dứt hợp đồng, Hợp đồng 02

quy định:

“Khoản 1: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt, và chấm dứt vào ngày hết thời hạn/thời hạn gia hạn.

Khoản 2: Công ty SC được quyền chấm dứt hợp đồng và thuê một bên khác thực hiện tiếp dịch vụ trong trường hợp:

Điểm a: Nhà cung cấp vi phạm Điều 7 của Hợp đồng này, hoặc

Điểm b: Nhà cung cấp không hoàn thành được dịch vụ theo quy định của hợp đồng, hoặc nhà cung cấp đã 03 lần liên tiếp không đạt chỉ số cơ bản nêu tại KPI (Key Performance Indicator).

Điểm c: SC quyết định tự mình thực hiện các công việc vận tải.”

Khi chấm dứt hợp đồng theo Điều 2 Khoản 12 này, SC sẽ thông báo cho nhà cung cấp trước bảy (07) ngày làm việc.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng 02, ngày 04 tháng 10 năm 2017 Bên B đã gửi Thông báo số 01702 chấm dứt Hợp đồng đối với Bên A kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2017. Ngày 9 tháng 12 năm 2017 Bên B gửi Thông báo rút lại Thông báo chấm dứt Hợp đồng 02 với lý do là thể hiện ý chí hợp tác với Nguyên đơn. Trước đó một ngày, Bên A đã khởi kiện Bị đơn.

Tại Văn bản ý kiến đề ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bị đơn, Bên B thông báo về việc chuẩn bị để tự mình thực hiện công việc vận tải, bao gồm việc đã được Sở Giao thông Vận tải tỉnh A cấp Giấy phép vận tải ngày 25 tháng 7 năm 2017. Theo kế hoạch thí điểm ban đầu, Bên B sẽ tự vận chuyển trong trường hợp phát sinh ngoài dự kiến, nếu hiệu quả thì sẽ tự vận chuyển toàn bộ tuyến giao hàng.

Trên thực tế, từ thời điểm Bên B đơn phương dừng book xe (đặt chỗ hàng) đến thời điểm diễn ra hai phiên xét xử, Bên B không đưa ra được bằng chứng nào chứng minh Bên B đã tự mình thực hiện công việc vận tải. Về khía cạnh giao kết hợp đồng, Điều khoản này của Hợp đồng tự thân mâu thuẫn và không thể giải thích một cách hợp lý. Mục đích của việc chấm dứt hợp đồng của Bên B là *thuê một bên khác thực hiện tiếp dịch vụ*, với lý do là *tự mình thực hiện các công việc vận tải*, mục đích và lý do nêu trên mâu thuẫn nhau và không thể giải thích được. Nếu Bên B đã thực sự tự mình thực hiện các công việc vận tải, khi đó lý do chấm dứt hợp đồng mới trở thành lý do đích thực. Về khía cạnh thực hiện

hợp đồng, Thông báo chấm dứt Hợp đồng là kết quả của một điều khoản mâu thuẫn, không thể giải thích được dẫn đến văn bản Thông báo này không thể phát sinh hiệu lực, trừ trường hợp Bên B đã thực sự tự mình thực hiện các công việc vận tải kể từ khi chấm dứt hợp đồng.

Hội đồng xét xử nhận định rằng Bên B chấm dứt Hợp đồng 02 trong bối cảnh Bên B không *tự mình* thực hiện các công việc vận tải là vi phạm Điều 12 của Hợp đồng 02 về điều kiện để chấm dứt quan hệ Hợp đồng với Bên A.

2.3. Quá trình đơn phương chấm dứt Hợp đồng 01

Hợp đồng được ký ngày 27 tháng 3 năm 2015, thời hạn đến ngày 31 tháng 3 năm 2016, tự động gia hạn đến ngày 30 tháng 9 năm 2016. Ngày 01 tháng 10 năm 2016, hai bên ký Phụ lục số 09, kéo dài thời hạn Hợp đồng 01 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017, tự động kéo dài thêm sáu (6) tháng đến ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Trong tháng 7 năm 2017, Bên B tổ chức đấu thầu gói dịch vụ vận chuyển đường bộ thành phẩm từ kho tới kho và từ kho đến khách hàng tại miền Nam. Bên A không trúng thầu. Bên B cho rằng nếu Bên A trúng thầu thì hợp đồng cũ dù chưa hết hạn nhưng sẽ đương nhiên vô hiệu để tiến hành ký hợp đồng mới theo kết quả thầu; nếu Bên A không trúng thầu thì hợp đồng được coi là tự động chấm dứt. Trên thực tế, trước và sau khi đấu thầu, Bên A đã nhiều lần đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng, nhưng Bên B đã chấm dứt sử dụng dịch vụ của Bên A, ngừng thực hiện Hợp đồng 01 từ tháng 8 năm 2017.

Tại Phiên xét xử số 1, đại diện được ủy quyền của Bên B đã xác nhận nguyên nhân việc Bên B không tiếp tục sử dụng dịch vụ vận chuyển của Bên A là do giá dịch vụ của Bên A không cạnh tranh. Hội đồng xét xử tôn trọng quyền của Bên B trong việc lựa chọn nhà cung cấp có phí dịch vụ thấp. Tuy nhiên, Hợp đồng 01 được hai bên ký kết có thời hạn bắt đầu từ tháng 3 năm 2015, kết thúc vào 31 tháng 3 năm 2018, chừng nào Hợp đồng chưa hết hiệu lực thì hai bên vẫn phải tuân thủ thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nghĩa vụ của Bên B là tiếp tục sử dụng dịch vụ vận chuyển của Bên A theo kế hoạch trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng và trả tiền dịch vụ vận chuyển. Nghĩa vụ của Bên A là tiếp nhận hàng và vận chuyển tới các địa điểm do Bên B quy định, trong thời thời hạn của Hợp đồng. Bên A được nhận tiền dịch vụ vận chuyển như đã

thỏa thuận với Bị đơn.

Hội đồng xét xử cho rằng khi Hợp đồng 01 chưa hết hạn và đang còn có hiệu lực thì Bên B bị ràng buộc và phải tuân thủ cam kết với Nhà cung cấp dịch vụ (Bên A) về phí dịch vụ không thay đổi. Hàng tháng, lượt yêu cầu đặt xe đều ổn định, tuyến đường vận tải cũng đã xác định rõ trong Phụ lục Hợp đồng. Hành vi đơn phương chấm dứt việc book xe của Bên B đã vi phạm nghĩa vụ phải tuân thủ cam kết Hợp đồng về duy trì phí dịch vụ vận chuyển, gây thiệt hại cho Bên A, làm cho Bên A không đạt được mục đích khi giao kết Hợp đồng theo Khoản 12, 13 thuộc Điều 3 của Luật Thương mại 2005¹ (Quốc hội, 2005b).

Đánh giá của Hội đồng xét xử về giá trị pháp lý của thông báo chấm dứt hợp đồng thông qua thư điện tử của Bên B.

Tại xét xử ngày 23 tháng 4 năm 2018, Ông NT là người làm chứng được triệu tập theo đề nghị của Nguyên đơn, xác nhận rằng kể từ khi kết thúc vụ đấu thầu do Bên B tổ chức, với tư cách là người được Bên B giao trách nhiệm phụ trách điều hành các dịch vụ vận tải, đã không yêu cầu Bên A tiếp tục cung cấp dịch vụ. Điều này cũng được thể hiện trong các thư điện tử của ông NT gửi Bên A ngày 01 tháng 8 và 04 tháng 8 năm 2017. Hội đồng xét xử cho rằng về hình thức và nội dung, các thư điện tử của ông NT không thể được coi là thông báo chấm dứt hợp đồng ký phát bởi đại diện đương nhiên hoặc đại diện có ủy quyền của Công ty SC. Vì vậy, thông báo này không phát sinh hiệu lực. Trước ngày 30 tháng 9 năm 2017, Bên B đã không gửi thông báo chính thức về việc chấm dứt hợp đồng, do đó Hợp đồng 01 đã được tự động gia hạn đến ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Tại phiên xét xử số 1, đại diện được ủy quyền của Bên B đã xác nhận, việc Bên B xuất phát từ quyền lợi để yêu cầu dịch vụ từ các đơn vị vận tải khác có phí dịch vụ thấp hơn so với Bên A là động thái bình thường trong kinh doanh. Việc Bên B đưa ra lý do “dừng thực hiện hợp đồng vì giá dịch vụ của Bên A không cạnh tranh” là trái với cam kết về giá dịch vụ tại Hợp đồng 01. Tại khoản 4.1 của Hợp đồng 01 đã quy định “phí dịch vụ không thay đổi trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng”. Hội đồng xác định rằng khi hai bên chưa giao kết hợp đồng mới, không phụ thuộc vào kết quả đấu thầu và giá trúng thầu, không liên quan đến giá dịch vụ của các đối tác khác trong các hợp đồng khác, Bên B vẫn phải tuân thủ nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng 01 để đảm bảo lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn.

Hội đồng xét xử kết luận là Bên B đã có hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng 01 vi phạm nghĩa vụ phải duy trì việc sử dụng dịch vụ của Bên A, gây thiệt hại cho Bên A, khiến Bên A không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng. Hội đồng xét xử xác định khoảng thời gian hợp đồng bị chấm dứt thực hiện từ 01 tháng 8 năm 2017 đến 31 tháng 3 năm 2018, là tám (8) tháng.

Về khoản lợi nhuận, lẽ ra Bên A thu được nếu Bên B không đơn phương dừng các Hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận định rằng lợi nhuận dịch vụ vận tải hàng hóa liên quan trực tiếp đến khấu hao xe và trang thiết bị kèm theo, chi phí lương cho công nhân và bộ phận quản lý điều hành, nếu các chi phí cao thì lợi nhuận thấp và ngược lại. Từ thời điểm cuối năm 2017 đến nay, do biến động về giá xăng dầu, phí cầu đường, và các yếu tố khác tác động đến giá cả thị trường và thu nhập của người lao động, lợi nhuận của dịch vụ này giảm sút so với thời kỳ trước. Bên A yêu cầu tỉ lệ lợi nhuận là 20%, tại Phiên xét xử số 1 cũng đã thừa nhận trong điều kiện hiện nay khó có thể đạt được. Bên B viện dẫn tỉ lệ lợi nhuận 0,15%, như đã phân tích, là con số không hợp lý. Hội đồng quyết định tỉ lệ lợi nhuận trong doanh thu là 14%.

Bên B đã yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội xử hủy phán quyết trên của Hội đồng xét xử. Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 09/2018/QĐ-PQTT, không hủy Phán quyết trọng tài Vụ kiện 44/17 ngày 15 tháng

06 năm 2018 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, 2018, 6). Trong đó, khẳng định, quyết định này là quyết định cuối cùng, có hiệu lực kể từ ngày ký, các bên đương sự không có quyền kháng cáo. Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

3. Kết luận và bài học pháp lý rút ra từ việc một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật

Tin nhau là chính, nhưng cũng vì điều này mà nhiều thương nhân Việt Nam chưa để tâm soạn thảo, giao kết và lưu giữ các hợp đồng một cách bài bản. Trong thế giới trao đổi thương mại cởi mở và năng động ngày nay, “yêu nhau rào dậu cho chặt”, bạn hàng cần thỏa thuận hợp đồng chặt chẽ, phân định cụ thể quyền, nghĩa vụ và cách ứng xử của các bên (DANIDA & VIAC, 2014, 1); trong đó, nên có quy định khi nào một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng không trái pháp luật. Quy mô hợp tác ngày càng lớn với sự tham gia của ngày càng nhiều đối tác mới càng làm xuất hiện nhiều loại rủi ro; các thương nhân cần tiên liệu, kiểm soát và quản lý được rủi ro. Bài học rút ra từ vụ tranh chấp này cung cấp cho thương nhân những hiểu biết căn bản nhất về đơn phương chấm dứt hợp đồng phù hợp và không trái pháp luật, giúp họ cẩn trọng hơn nhằm tránh những thiệt hại phát sinh do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật gây ra.

Ghi chú:

1. Điều 3 của Luật Thương mại 2005:

12. *Vi phạm hợp đồng là việc một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của Luật này.*

13. *Vi phạm cơ bản là sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.*

Tài liệu tham khảo:

DANIDA & VIAC (2014), *Cẩm nang Hợp đồng thương mại*, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam.

Đoàn Việt Dũng (2011), ‘Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015’, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quốc hội (2015a), *Bộ luật Dân sự năm 2015*, ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Quốc hội (2005b), *Luật Thương mại của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005.

Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội (2018), *Quyết định 09/2018/QĐ-PQTT về việc không hủy Phán quyết trọng tài Vụ kiện 44/17 ngày 15/06/2018 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam*, ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2018.